

32. ĐẠI KINH RỪNG SỪNG BÒ (*Mahāgosiṅga Sutta*)¹

332. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại khu vườn trong rừng Gosiṅga có nhiều cây Sa-la cùng với một số đông Thượng tọa đệ tử nổi tiếng như Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa),² Tôn giả Ānanda (A-nan) cùng với một số Thượng tọa đệ tử nổi tiếng khác. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna vào buổi chiều, sau khi tham thiền đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Mahākassapa ở; sau khi đến, bèn nói với Tôn giả Mahākassapa:

- Hiền giả Kassapa, chúng ta hãy đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.
- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahākassapa vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, Tôn giả Mahākassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Mahāmoggallāna, Tôn giả Mahākassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp, sau khi thấy vậy liền đi đến chỗ Tôn giả Revata và nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata, các bậc Thượng nhân như vậy đã đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Này Hiền giả Revata, chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.

- Thưa vâng, Hiền giả.

333. Tôn giả Revata vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Tôn giả Sāriputta thấy Tôn giả Revata, Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy bèn nói với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ānanda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn! Này Hiền giả Ānanda, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ngưu giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (T.01. 0026.184. 0726c25). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.02. 0125.37.3. 0710c05); *Phật thuyết Tỷ-kheo các ngôn chí kinh* 佛說比丘各言志經 (T.03. 0154.16. 0080c26).

² MA. II. 247 giải thích ở đây chỉ cho Revata - Vị nghi ngờ, không phải Revata - Vị A-la-hán Tỷ-kheo chứng quả ở rừng Khadiravaniya (cây Xương Rồng).

khắp nơi. Nay Hiền giả Ānanda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm chói sáng khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lặp lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.³ Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

334. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Revata:

– Nay Hiền giả Revata,⁴ Tôn giả Ānanda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Nay Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

335. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha:⁵

– Nay Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Nay Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Nay Hiền giả Sāriputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

336. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Nay Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Nay Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán

³ MA. II. 254 liệt kê có đến 7 tùy miên. Xem D. III. 254. Trong A. I. 23, viết Ānanda được gọi là vị Đa văn đệ nhất.

⁴ Xem M. I. 33. A. I. 24 viết Revata được gọi là vị Thiên định đệ nhất.

⁵ MA. II. 254 viết “hàng ngàn thế giới”. A. I. 23 viết Anuruddha được gọi là vị Thiên nhãn đệ nhất.

thán đời sống ở rừng núi; tự mình sống khát thực và tán thán đời sống khát thực; tự mình mặc y phân tảo và tán thán hạnh mặc y phân tảo; tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y; tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục; tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ; tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư; tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục; tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn; tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh; tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định; tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ; tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosīnga.

337. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói Tôn giả Mahāmoggallāna:⁶

– Hiền giả Moggallāna, Tôn giả Mahākassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahāmoggallāna: Nay Hiền giả Moggallāna, khả ái thay khu rừng Gosīnga... (như trên). Nay Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosīnga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về *Abhidhamma* (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại [không trả lời được], và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosīnga.

338. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Sāriputta:⁷

– Hiền giả Sāriputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sāriputta: Nay Hiền giả Sāriputta, khả ái thay khu rừng Gosīnga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosīnga?

– Ở đây, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallāna, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua

⁶ A. I. 23 viết Moggallāna được gọi là vị Thần thông đệ nhất. MA. II. 256 giải thích là: “Vị hiểu rõ *Abhidhamma*; khi đã hiểu rõ những điểm vi tế, tăng trưởng quán hạnh của mình, vị ấy có thể đạt đến quả vị siêu thế.” Còn vị không học *Abhidhamma*, nhầm lẫn giữa “giáo lý của mình” (*sattavāda*) và “giáo lý của người” (*paravāda*).

⁷ M. I. 23 viết Ngài là vị Trí tuệ đệ nhất.

mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

339. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với các Tôn giả ấy:

– Này chư Hiền, chúng ta đã trả lời theo sự giải thích của chúng ta. Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở và thuật lại vấn đề này cho Thế Tôn rõ. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi những Tôn giả ấy đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda đến tại chỗ con ở để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, con thấy Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda từ xa đi đến; thấy vậy, con nói với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda, hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ānanda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Này Hiền giả Ānanda, khá ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Ānanda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, Tôn giả Ānanda trả lời với con như sau:

– Ở đây, Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lặp lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Ānanda phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Ānanda là bậc đa văn, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lặp lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng, với văn cú viên dung lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

340. – Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Revata:

– Nay Hiền giả Revata, Tôn giả Ānanda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Nay Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosīṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosīṅga?

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosīṅga.

– Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Revata phải trả lời như vậy. Nay Sāriputta, Revata ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

341. – Bạch Thế Tôn, khi được nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

– Nay Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Nay Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosīṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosīṅga?

Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Anuruddha nói với con:

– Nay Hiền giả Sāriputta, ở đây, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Nay Hiền giả Sāriputta, ví như một người có mắt, lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp rồi quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosīṅga.

– Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Anuruddha phải trả lời như vậy. Nay Sāriputta, chính Anuruddha với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới.

342. – Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Nay Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Nay Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosīṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosīṅga?

Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Mahākassapa nói với con:

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi; tự mình sống khát thực và tán thán đời sống khát thực; tự mình mặc y phần tảo và tán thán hạnh mặc y phần tảo; tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y; tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục; tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ; tự mình sống độc cư và tán thán

hạnh độc cư; tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục; tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn; tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh; tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định; tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ; tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo ấy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Kassapa phải trả lời như vậy. Nay Sāriputta, Kassapa tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi... tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

343. – Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Hiền giả Moggallāna, Tôn giả Mahākassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahāmoggallāna: Nay Hiền giả Moggallāna, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! ... (như trên). Nay Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với con:

– Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về *Abhidhamma* (A-tỳ-đàm). Họ hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, họ trả lời được với nhau, chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp của họ được tiếp tục. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Moggallāna phải trả lời như vậy. Nay Sāriputta, Moggallāna là bậc thuyết về Chánh pháp.

344. Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nói với Tôn giả Sāriputta như sau:

– Hiền giả Sāriputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sāriputta: Nay Hiền giả Sāriputta, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như tỏa rộng khắp nơi. Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với con:

– Ở đây, nay Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallāna, ví như

một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị Tỷ-kheo ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosīṅga.

– Lành thay, lành thay, Moggallāna! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Sāriputta phải trả lời như vậy. Này Moggallāna, Sāriputta điều phục được tâm, không phải Sāriputta không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

345. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vị nào đã khéo trả lời [câu hỏi được đặt ra]?

– Này Sāriputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời. Và nay các ông hãy nghe Ta nói hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosīṅga. Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo sau khi đi khát thực và thọ trai về, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: “Ta sẽ không bỏ ngôi kiết-già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.” Này Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosīṅga.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tôn giả ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

